

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 41 /2025/DS-PT

Ngày 20 - 5- 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Thẩm phán: Ông Chu Tuấn Vương và Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V1

Địa chỉ: Số H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý

(Theo văn bản ủy quyền số: 38a/2024/UQ-HĐQT ngày 01/6/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V1

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lương Trung V bà Trần Thị Hải Y–
Cán bộ ngân hàng thương mại cổ phần V1.

Địa chỉ: Tầng C, số B, H, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1994

Ông **Lê Trọng K**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, Thái Bình

Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V1

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim A1 ông Lê Trọng K có vay của V2theo 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng cho vay số LN2207146227766 (LD2220701851) ký ngày 25/07/2022: Số tiền vay: 290.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 12,5%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn cố định, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01/, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 60 tháng được Bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13/07/2022 (Thẻ tín dụng số 307-P-3537931 giải ngân ngày 28/07/2022). Số tiền vay: 13.746.542 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống, lãi suất được áp dụng theo Quyết định số 354/2019QĐ-TGD ngày 31/5/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần V1.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: ACCENT, mang biển kiểm soát số 17A-142.26, có số khung: 41BBKN016520, số máy G4LCJF705720, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của bà Nguyễn Thị Kim A1 ông Lê Trọng K1 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025484 do Phòng CCông an tỉnh Tcấp ngày 14/06/2019. Hợp đồng thế chấp số: LN2207146227766 ký ngày 25/07/2022 giữa V2và bà Nguyễn Thị Kim A1 ông Lê Trọng K2 bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP .cấp ngày 26/07/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 01/7/2023 ông K bà Kim A2 trả cho ngân hàng tổng số tiền là: 73.411.712 đồng (bao gồm trả nợ gốc là 46.810.448 đồng; trả nợ lãi là 26.601.264 đồng). Sau ngày 01/7/2023 ông K7 bà Kim A3 phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 15/5/2023 toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP V1 đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim A1 ông Lê Trọng K3 trả cho V2số tiền tính đến ngày xét xử (07/01/2025) là: 375.568.924 đồng (trong đó: Khoản vay của hợp đồng vay là: Nợ gốc là 243.189.552 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.461.797đồng, lãi quá hạn là 104.017.045 đồng. Lãi chậm trả lãi là 6.153.988đồng)

Khoản thẻ tín dụng là: Nợ gốc là 13.746.542 đồng, nợ lãi quá hạn 19.872.065đồng.

Và toàn bộ khoản lãi phát sinh kể từ ngày 08/01/2025 đến ngày ông K bà A4 toán xong toàn bộ khoản vay cho ngân hàng.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim A1 ông Lê Trọng K4 trả nợ đầy đủ cho V2V2có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Thị Kim A1 ông Lê Trọng K5 không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ tại V2bà Nguyễn Thị Kim A1 ông Lê Trọng

K6 tục có nghĩa vụ thanh toán cho V2 cho tới khi thực tế thanh toán toàn bộ khoản vay.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2024, Bị đơn là ông Lê Trọng K trình bày: vợ chồng ông có vay tiền và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCV1 V1 như nguyên đơn trình bày. Nay ông K đề nghị xin miễn giảm phần lãi, lãi quá hạn và trả dần nợ gốc, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Do công việc bận nên vợ chồng ông K bà Kim A5 lên Tòa án để làm việc*

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V1 ông Lê Trọng K7 bà Nguyễn Thị Kim A phải trả cho Ngân hàng TMCV1 V1 các khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cụ thể gồm các khoản sau:

Tính đến ngày xét xử (07/01/2025): Khoản vay của hợp đồng vay là: Nợ gốc là 243.189.552 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.461.797 đồng, lãi quá hạn là 104.017.045 đồng. Khoản thế tín dụng là: Nợ gốc là 13.746.542 đồng, nợ lãi quá hạn 19.872.065 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 07/01/2025 ông K bà Kim A6 phải trả cho Ngân hàng TMCV1 V1 là: 369.414.936 đ (Ba trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm mười bốn ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng)

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V1 việc yêu cầu ông Lê Trọng K7 bà Nguyễn Thị Kim A7 trả cho Ngân hàng số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 6.153.988 đ (Sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông K bà Kim A6 không trả nợ cho Ngân hàng V1 thì Ngân hàng thương mại cổ phần V1 quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: ACCENT, mang biển kiểm soát số 17A-142.26, có số khung: 41BBKN016520, số máy G4LCJF705720 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025484 do Phòng Cảnh sát an ninh T cấp ngày 14/06/2019 mang tên Lê Trọng K

Ngày 10/01/2025 nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm tuyên bà Nguyễn Thị Kim A1 ông Lê Trọng K3 chịu lãi chậm trả lãi tính đến ngày 07/01/2025

là 6.153.998 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 08/01/2025 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Ngày 22/4/2025 nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo đối với số tiền yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi chậm trả lãi tính đến ngày 07/01/2025 là 1.400.254 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 08/01/2025.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:** nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn nhất trí với yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của Ngân hàng TMCP V1 được làm trong thời hạn luật định nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét hợp đồng vay vốn đã ký kết: các bên đương sự đều khai thống nhất về việc vay vốn theo Hợp đồng cho vay số LN2207146227766 (LD2220701851) ký ngày 25/07/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13/07/2022 (Thẻ tín dụng số 307-P-3537931 giải ngân ngày 28/07/2022). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh từ hai khoản vay trên là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn về khoản lãi chậm trả lãi đối với khoản vay theo hợp đồng số LN2207146227766, thấy: tại điểm f khoản 7 Điều 1 của hợp đồng có ghi: “ Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150 % lãi

suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

.....

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a. Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều a, b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng quy định:

4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a. Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b. Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạm vi phạm, quy định:

Điều 1: Nghị quyết này hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản; lãi suất trung bình trên thị trường; quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án.

Hợp đồng vay tài sản hướng dẫn trong Nghị quyết này bao gồm hợp đồng cho vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với khách hàng (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng) và hợp đồng vay tài sản là tiền giữa cá nhân, pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng với nhau (sau đây gọi là hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng).

Điều 8. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

.....

2. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn.

.....

Toà án cấp sơ thẩm nhận định mặc dù hai bên có thỏa thuận về lãi chậm trả không vượt quá 10%/năm nhưng không quy định khách hàng phải trả lãi chậm trả từ thời gian nào và viện dẫn quy định “ *Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*” để không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với yêu cầu lãi suất chậm trả lãi là không đúng theo các quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên. Về số tiền lãi chậm trả lãi đã được Ngân hàng tính lại theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông K7 bà Kim A7 trả cho Ngân hàng 1.400.254 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 08/01/2025.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Trọng K7 bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP V1, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V1

Buộc ông Lê Trọng K7 bà Nguyễn Thị Kim A phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền tính đến ngày 07/01/2025 là 370.815.190 (ba trăm bảy mươi triệu tám trăm mười lăm nghìn một trăm chín mươi) đồng, trong đó: Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 243.189.552 đồng, lãi trong hạn là 8.461.797đồng, lãi quá hạn là 84.144.980 đồng, lãi chậm trả lãi là 1.400.254 đồng; Nợ gốc khoản thẻ tín dụng là 13.746.542 đồng, nợ lãi quá hạn 19.872.065 đồng. Và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 08/01/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay số LN2207146227766 (LD2220701851) ký ngày 25/07/2022, Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 13/07/2022.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông K bà Kim A6 không trả nợ cho Ngân hàng V1 thì Ngân hàng thương mại cổ phần V1 quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: ACCENT, mang biển kiểm soát số 17A-142.26, có số khung: 41BBKN016520, số máy G4LCJF705720 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025484 do Phòng Công an tỉnh T cấp ngày 14/06/2019 mang tên Lê Trọng K

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Trọng K7 bà Nguyễn Thị Kim A7 chịu 18.540.759 (Mười tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn bảy trăm năm mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP V1 10.000.000đ (Mười triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002786 ngày 14 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại Ngân hàng TMCP V1 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002880 ngày 23/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 20/5/2025.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ